



BAN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý
Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Ngày 05/11/2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có công văn số 3356/BKHCN-TĐC gửi lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/20018/NĐ-CP của Chính phủ. Cho đến thời điểm này:

1. Các đơn vị có ý kiến góp ý:

- **12 Bộ, ngành:** Thông tin và Truyền thông; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Nội vụ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quốc phòng; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Tư pháp, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội.

- **44 tỉnh, thành phố:** Hà Nam, Bến Tre, Sơn La, Phú Yên, Hải Phòng, Yên Bái, Hòa Bình, An Giang, Long An, Ninh Bình, Bình Định, Tây Ninh, Kon Tum, Vĩnh Long, Quảng Bình, Bắc Kạn, Cà Mau, Hải Dương, Kiên Giang, Thanh Hóa, TP. Cần Thơ, Trà Vinh, Bắc Ninh, Lai Châu, Đắk Lắk, Điện Biên, Bắc Giang, Lào Cai, Quảng Nam, Thái Nguyên, Đồng Tháp, TP. Đà Nẵng, Đắk Nông, Bình Phước, TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Cao Bằng, Phú Thọ, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, TP. Hà Nội, Bình Thuận, Gia Lai, Lạng Sơn.

- **03 Hiệp hội:** Hiệp hội VASEP, Hiệp hội VAMA, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương:

2.1. Góp ý chung

TT	Đơn vị góp ý	Các phần góp ý	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung tiếp thu
1.	Bộ Nội vụ	Góp ý chung	Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
2.	Bộ Xây dựng		Về cơ bản thống nhất với Dự thảo Nghị định	Nhất trí
3.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí

4.	Bộ Tư pháp	Nhất trí về sự cần thiết ban hành văn bản theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020	Nhất trí
5.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Về cơ bản các quy định sửa đổi tại Dự thảo là phù hợp với Quyết định 1258/QĐ-TTg.	Nhất trí
6.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung	Nhất trí
7.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Nhất trí với các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung	Nhất trí
8.	UBND Bình Thuận	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
9.	UBND Quảng Bình	Nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo	Nhất trí
10.	UBND Hòa Bình	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
11.	Sở KHCN Bến Tre	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
12.	Sở KHCN Đồng Tháp	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
13.	Sở KHCN Sơn La	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
14.	Sở KHCN Phú Yên	Thông nhất với bố cục và nội dung dự thảo	Nhất trí
15.	Sở KHCN Hải Phòng	Nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo	Nhất trí
16.	Sở KHCN Hà Nam	Nhất trí với nội dung, bố cục của dự thảo	Nhất trí
17.	Sở KHCN An Giang	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
18.	Sở KHCN Ninh Bình	Hoàn toàn nhất trí với bố cục, nội dung dự thảo	Nhất trí
19.	Sở KHCN Bình Định	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
20.	UBND Tây Ninh	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
21.	Sở KHCN Vĩnh Long	Thông nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí

22.	Sở KHCN Bắc Kạn	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
23.	Sở KHCN Bắc Giang	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
24.	Sở KHCN Thanh Hóa	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
25.	Sở KHCN Yên Bái	Nhất trí với nội dung, bố cục của dự thảo	Nhất trí
26.	Sở KHCN Đà Nẵng	Thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
27.	Sở KHCN Cà Mau	Thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
28.	Sở KHCN Kon Tum	Thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
29.	Sở KHCN Trà Vinh	Thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
30.	Sở KHCN Bắc Ninh	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
31.	Sở KHCN Lai Châu	Nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
32.	Sở KHCN Đắk Lắk	Thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
33.	Sở KHCN Bình Phước	Thống nhất hoàn toàn với nội dung dự thảo	Nhất trí
34.	Sở KHCN Gia Lai	Nhất trí với tên, bố cục và nội dung dự thảo	Nhất trí
35.	UBND Cao Bằng	Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
36.	UBND Lào Cai	Cơ bản nhất trí với bố cục, nội dung và thể thức dự thảo	Nhất trí
37.	Sở KHCN Hà Tĩnh	Cơ bản nhất trí với nội dung, thể thức trình bày của dự thảo	Nhất trí
38.	Sở KHCN Phú Thọ	Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
39.	Sở KHCN Điện Biên	Cơ bản nhất trí với bố cục, nội dung dự thảo	Nhất trí
40.	Sở KHCN Khánh Hòa	Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
41.	Sở KHCN Hồ Chí Minh	Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí

42.	Sở KHCN Quảng Nam		Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo	Nhất trí
43.	Sở KHCN Hà Nội		Cơ bản nhất trí với nội dung, bố cục, kỹ thuật trình bày của dự thảo	Nhất trí
44.	Sở KHCN Yên Bái		Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo	Nhất trí
45.	Sở KHCN Đắk Nông		Cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung dự thảo	Nhất trí
46.	Sở KHCN Thái Nguyên		Bố cục dự thảo hợp lý, thể thức đúng quy định	Nhất trí
47.	Bộ Tư pháp	Góp ý chung	<p>Một số nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 86/2012/NĐ-CP nhưng không được Chính phủ giao như sửa đổi, bổ sung quy định SPHH miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu (Điều 7 Nghị định 74/2018/NĐ-CP); quy định về quản lý mã số, mã vạch (Điều 19b Nghị định 74/2018/NĐ-CP); quy định về phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường (Điều 17 Nghị định 86/2012/NĐ-CP). Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện thủ tục lập đề nghị chính sách trước khi xây dựng nội dung dự thảo Nghị định.</p> <p>Tại Quyết định 1258/QĐ-TTg đã chỉ đạo nội dung cần sửa đổi, bổ sung cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 86/2012/NĐ-CP nhằm tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020. Tuy nhiên, đề nghị làm rõ vướng mắc, bất cập của quy định hiện hành và yêu cầu sửa đổi, bổ sung theo chỉ đạo của Thủ tướng CP để có đề xuất phù hợp</p>	Tiếp thu

2.2. Góp ý cụ thể đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP

TT	Đơn vị góp ý	Các phần góp ý	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung tiếp thu
1.	Bộ Xây dựng	Xây dựng thống nhất thành một văn bản	Đến nay, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện hai Nghị định này, đề nghị Bộ KH&CN xem xét thống nhất các lần sửa đổi, bổ sung của Nghị định này thành một văn bản.	Tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ tổng hợp, báo cáo Chính phủ về nội dung này
2.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần, do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, trong đó bao gồm các nội dung đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 154/2018/NĐ-CP và dự thảo lần này.	Tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ tổng hợp, báo cáo Chính phủ về nội dung này
3.	Bộ Công Thương		Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa hiện có hai văn bản hướng dẫn đang có hiệu lực là Nghị định 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu xây dựng ban hành Nghị định mới để quản lý thống nhất trong một văn bản quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.	Tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ tổng hợp, báo cáo Chính phủ về nội dung này
4.	Sở KH&CN Yên Bái		Việc xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, tuy nhiên Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa nên sẽ gây khó khăn trong quá trình thực hiện của các cơ quan tại địa phương do cùng một nội dung phải rà	Tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ tổng hợp, báo cáo Chính phủ về nội dung này

			soát 03 Nghị định.	
5.	Bộ Tài chính	Tên gọi của dự thảo Nghị định	Hiện tại, dự thảo Nghị định đang đề xuất bổ sung Khoản 2d vào Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, do đó, đề nghị chỉnh lý lại tên của dự thảo Nghị định cho phù hợp, đảm bảo bao quát hết nội dung Điều chỉnh của văn bản	Nghiên cứu, tiếp thu
6.	UBND tỉnh Kiên Giang	Tên dự thảo	Đề nghị bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP vào tiêu đề do trong dự thảo có bổ sung khoản 2d Điều 7 cho Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (tại khoản 5 Điều 2 dự thảo). Cụ thể, tên của dự thảo là: “ <i>NGHỊ ĐỊNH</i> <i>Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP</i> ”.	Tiếp thu
7.	Sở KH&CN Quảng Nam		Đề nghị bổ sung ngày, tháng, năm ban hành và tên gọi của 02 Nghị định, cụ thể: “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Tiếp thu
8.	Bộ Tư pháp	Thể thức trình bày văn bản	- Về kỹ thuật soạn thảo, đề nghị rà soát, chỉnh sửa lại dự thảo theo quy định tại Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP - Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến đối tượng bị tác động của dự thảo Nghị định theo quy định tại	- Tiếp thu - Bộ KH&CN đã gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, VCCI, một số

		<p>khoản 2 Điều 101 Luật Ban hành VBQPPL</p> <p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều khoản chuyển tiếp áp dụng dự thảo Nghị định để xử lý các trường hợp phát sinh cho phù hợp</p>	<p>Hiệp hội như VASEP, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam, Hiệp hội Da giày - Túi xách. Dự thảo Nghị định cũng được đăng tải trên website của Bộ KH&CN và Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để các tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu, góp ý</p> <p>- Nghiên cứu tiếp thu</p>
9.	Sở KHCN Thanh Hóa	Đề nghị sửa theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (phần căn cứ).	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định cho việc soạn thảo văn bản hành chính, việc soạn thảo VBQPPL thực hiện theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
10.	Sở KHCN Đắk Lắk	Đề nghị chỉnh sửa lại căn cứ ban hành sang kiểu chữ in nghiêng và cách dòng tại Điều 1, 2, 3 cho phù hợp.	Tiếp thu
11.	Sở KHCN Quảng Nam	Đề nghị chỉnh sửa lại căn cứ ban hành theo quy định tại Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (chữ in thường, kiểu chữ nghiêng).	Tiếp thu
12.	Sở KHCN Bắc Giang	<p>Đề nghị sửa đổi cách trích dẫn văn bản tại các Khoản 1,2,3,4,5 Điều 2 của dự thảo cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi.</p> <p><u>Lý do:</u> Dự thảo Nghị định sửa đổi đang trích dẫn các Điều, Khoản của Nghị định 132/2008/NĐ-CP chưa đúng</p>	Nghiên cứu tiếp thu

			theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Ví dụ: Dự thảo Nghị định trích dẫn “1. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)” nhưng Nghị định số 132/2008/NĐ-CP không có điểm k khoản 7 Điều 7...	
13.	Bộ Tài chính	Sắp xếp các Điều, Khoản	Đề nghị rà soát, sắp xếp các Khoản sửa đổi, bổ sung theo thứ tự từng Điều Khoản quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Ví dụ đưa Khoản 5 Điều 2 lên trước Khoản 1 Điều này.	Nghiên cứu, tiếp thu
14.	Bộ Tài chính	Căn cứ ban hành Nghị định	Đề nghị bổ sung “Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 16/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019	Nghiên cứu, tiếp thu
15.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Điều 2	<p>- Dự thảo Nghị định không quy định về xử lý hàng hóa nhập khẩu không thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (tự đánh giá) sau thông quan theo thời hạn quy định. Do đó, đề nghị cơ quan dự thảo Nghị định quy định rõ hướng xử lý hàng hóa nhập khẩu không thực hiện công bố hợp quy sau thông quan theo thời hạn đề xuất là 30 ngày nêu trên.</p> <p>- Điểm c, Khoản 2a và Điểm c, Khoản 2b, Điều 7 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP: đề nghị tăng thời hạn từ 15 ngày lên 30 ngày làm việc để người nhập khẩu đủ thời gian thực hiện đo kiểm, chứng nhận và tự đánh giá.</p>	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “ <i>nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành</i> ” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối

				với hàng hậu kiểm)
16.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Điều 2	Dự thảo Nghị định đang sử dụng cụm từ “tái chế” hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, dễ gây nhầm lẫn với phương án xử lý chất thải, đề nghị sử dụng cụm từ khác phù hợp hơn thay thế cho cụm từ “tái chế”.	Kiến nghị bảo lưu vì cụm từ “tái chế” đã được quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Chất lượng SPHH
17.	Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA)	Điều 2	Quy trình thử nghiệm và chứng nhận cho linh kiện ô tô không thể đảm bảo có thể hoàn thành trong vòng 15 ngày do việc chuẩn bị mẫu (mẫu thử nghiệm khác với mẫu nhập về vì như kính an toàn thì mẫu thử nghiệm cần phải cắt nhỏ theo quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật; thời gian thử nghiệm, chứng nhận thực tế cần nhiều thời gian hơn, nhất là liên quan đến hạng mục đi đánh giá việc đảm bảo chất lượng sản phẩm - đánh giá COP). Do vậy, việc cân hoãn thiện hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước trong vòng 15 ngày gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).
18.	Sở KHCN Tp. Hà Nội	Điều 2	Tại điểm c khoản 2a và điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp của hàng hóa trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa. Tuy nhiên thực tiễn trong quá trình kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Nội, cơ quan kiểm tra đã gặp không ít trường hợp người nhập khẩu không nộp kết quả đánh giá sự phù hợp đúng hạn, nhiều lần xin gia hạn nộp kết quả đánh giá sự phù hợp, thậm chí còn trốn tránh không thực hiện.	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối

			nhất là các doanh nghiệp nhập khẩu số lượng ít, trong đó có doanh nghiệp ở các tỉnh xa gây khó khăn cho cơ quan kiểm tra trong việc xử lý. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Nghị định chế tài cũng như biện pháp quản lý đối với các trường hợp nêu trên.	với hàng hậu kiểm)
19.	UBND Lạng Sơn	Điều 2	<p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định xử lý đối với trường hợp người nhập khẩu không thực hiện nộp kết quả đánh giá sự phù hợp về cơ quan kiểm tra sau thời hạn 15 ngày hàng hoá NK được thông quan.</p> <p>Lý do: Tại khoản 2a, 2b Điều 7, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) không quy định thời gian gia hạn cho doanh nghiệp trong trường hợp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ cũng như không có điều khoản nào quy định bước xử lý tiếp theo đối với trường hợp người nhập khẩu không nộp kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, kiểm tra doanh nghiệp nhập khẩu sau thông quan”.</p>	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối với hàng hậu kiểm)
20.	Sở KHCN Hải Dương	Điều 2	<p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định xử lý đối với trường hợp người nhập khẩu không thực hiện nộp kết quả đánh giá sự phù hợp về cơ quan kiểm tra sau thời hạn 15 ngày hàng hoá nhập khẩu được thông quan.</p> <p>Lý do: Tại khoản 2a, 2b Điều 7, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) không quy định thời gian gia hạn cho doanh nghiệp trong trường hợp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ cũng như</p>	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự

			không có điều khoản nào quy định bước xử lý tiếp theo đối với trường hợp người nhập khẩu không nộp kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, kiểm tra doanh nghiệp nhập khẩu sau thông quan”.	thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối với hàng hậu kiểm)
21.	Sở KHCN Đồng Tháp	Điều 2	Đề nghị hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp “sau khi cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu, nếu sau 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu chưa nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và người nhập khẩu chưa nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng hoặc người nhập khẩu đã tiêu thụ hết hàng hóa nhập về không còn mẫu để kiểm tra đánh giá sự phù hợp”.	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối với hàng hậu kiểm)
22.	Sở KHCN Điện Biên	Điều 2	Đề nghị bổ sung nội dung quy định xử lý đối với trường hợp người nhập khẩu không thực hiện nộp kết quả ĐGSPH về cơ quan kiểm tra sau thời hạn 15 ngày hàng hóa được thông quan. Lý do: Tại Khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi tại Khoản 3, Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP) không quy định thời gian gia hạn cho doanh nghiệp trong trường hợp chưa bổ sung đủ hồ sơ cũng như không có điều khoản nào quy định bước xử lý tiếp theo đối với trường hợp người nhập	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị

			khẩu không nộp kết quả ĐGSPH theo quy định dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, kiểm tra doanh nghiệp nhập khẩu sau thông quan.	định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối với hàng hậu kiểm)
23.	Sở KHCN TP. Cần Thơ	Điều 2	Đề nghị bổ sung nội dung quy định việc xử lý đối với trường hợp người nhập khẩu không nộp Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân (đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng theo Điểm 2a Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP) hoặc Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật (đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng theo Điểm 2b Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP).	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối với hàng hậu kiểm)
24.	Sở KHCN Hà Tĩnh	Điều 2	Đề nghị bổ sung nội dung quy định xử lý đối với trường hợp người nhập khẩu không thực hiện nộp kết quả đánh giá sự phù hợp với cơ quan kiểm tra sau thời hạn 15 ngày hàng hóa nhập khẩu được thông quan. Do tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP không quy định thời gian ra hạn cho doanh nghiệp trong trường hợp chưa bổ sung đủ hồ sơ cũng như không có điều kiện nào quy định bước xử lý tiếp theo đối với trường hợp người nhập khẩu không nộp kết quả đánh giá phù hợp theo quy định dẫn đến khó khăn trong công tác kiểm tra, quản lý doanh nghiệp nhập khẩu sau thông quan.	Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối

				với hàng hậu kiểm)
25.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Điều 2	Đề nghị xem xét sửa Điểm b, Khoản 2 Điều 7 của Nghị định 132/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP: “b) Kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận, hoặc được chỉ định theo quy định của pháp luật”, do đặc thù chuyên ngành đối với biện pháp công bố hợp quy này một số cơ quan quản lý yêu cầu sử dụng kết quả chứng nhận, giám định của các tổ chức được chỉ định.	Điểm c khoản Điều 7 của Nghị định 132/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP đã quy định việc công bố hợp quy căn cứ trên kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, giám định được chỉ định. Do đó, căn cứ vào mức độ rủi ro của từng sản phẩm, hàng hóa cụ thể, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định cụ thể biện pháp quản lý tương ứng trong QCVN
26.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Điều 2	Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 18 Nghị định 132/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP như sau: “ <i>Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cơ quan chỉ định) quy định các điều kiện khác đối với các tổ chức được chỉ định nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước</i> ”, để đảm bảo kiểm soát chất lượng về dịch vụ kiểm định, giám định, chứng nhận của các tổ chức được chỉ định.	Để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trước đây khi mỗi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định điều kiện để được chỉ định khác nhau nên Nghị định 74/2018/NĐ-CP đã quy định về điều kiện của tổ chức đánh giá sự phù hợp để được chỉ định, thống nhất thực hiện tại các Bộ, ngành, địa phương
27.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Điều 2	Đối với hàng hóa áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại khoản 2c, việc xử lý hàng hóa có kết quả ĐGSPH không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng đã được quy định cụ thể tại Khoản 2c, Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP. Do đó, để thuận tiện cho việc tra cứu, áp dụng văn bản, đề nghị cân nhắc xem xét, rà soát nội dung quy định tại Khoản 2c và Điểm a, Khoản 2d, Điều 7 Nghị	Nghiên cứu tiếp thu

			định 132/2008/NĐ-CP để thống nhất.	
28.	Sở KH&CN Thái Nguyên	Điều 2	Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và yêu cầu điền đầy đủ các thông số chất lượng sản phẩm làm căn cứ hậu kiểm, có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy định tại Khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi tại Khoản 3, Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP) là cần thiết. Vì đầu vào các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu phải được kiểm soát từ cơ quan chuyên môn về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thì mới đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường. Đây là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tăng cường việc hậu kiểm.	Tiếp thu, Bộ KH&CN đã kiến nghị không sửa nội dung này trong Báo cáo đánh giá tác động và Báo cáo thực thi văn bản. Bộ KH&CN sẽ bổ sung nội dung này trong Tờ trình
29.	Sở KH&CN Điện Biên	Điều 2	Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với trường hợp quy định tại Khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi tại Khoản 3, Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP) là làm phát sinh thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết tại khâu thông quan hàng hóa.	Bộ KH&CN đã kiến nghị không sửa nội dung này trong Báo cáo đánh giá tác động và Báo cáo thực thi văn bản. Bộ KH&CN sẽ bổ sung nội dung này trong Tờ trình Chính phủ xem xét, quyết định
30.	Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA)	Điều 2	Các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của lĩnh vực ô tô, xe máy đã được các Bộ, ngành quản lý có quy định việc thử nghiệm và chứng nhận tại Nghị định 116/2017/NĐ-CP, Nghị định 17/2020/NĐ-CP và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho một số linh kiện ô tô. Trong đó, quy định ô tô và một số linh	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập

			<p>kiện “Gương, đèn, kính an toàn, lốp, bình nhiên liệu, vành hợp kim, linh kiện phát, thu phát sóng) phải thử nghiệm và chứng nhận của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Các GCN cho ô tô có thời hạn từ 01-03 năm, cho linh kiện là 03 năm. Do đó, việc đăng ký kiểm tra nhà nước cho từng lô hàng theo Nghị định này làm tăng khối lượng công việc và chi phí cho doanh nghiệp</p>	<p>khẩu liên tiếp có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ được cơ quan kiểm tra có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm.</p> <p>Do đó, Hiệp hội có thể hướng dẫn các doanh nghiệp nghiên cứu thực hiện theo quy định nêu trên.</p> <p>Bộ KH&CN sẽ nghiên cứu thêm ý kiến góp ý của Bộ GTVT về nội dung này</p>
31.	Sở KHCN Đồng Tháp	Điều 2	<p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định về nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu “Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP (được bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP)”.</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 2a và điểm b khoản 2b: “<i>Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa</i>”.</p> <p>Như vậy, cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ của hồ sơ, xem xét các nội dung kê khai trong bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có đầy đủ, phù hợp với các tài liệu kèm theo và xem xét về ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ</p>

				(nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đã phù hợp quy định hay chưa. Do đó, theo Bộ KH&CN không cần thiết bổ sung nội dung này
32.	Bộ Tư pháp	Khoản 1, Điều 2	Dự thảo Nghị định quy định loại trừ nguyên liệu để sản xuất một số hàng hóa có thể dẫn đến không đầy đủ. Vì vậy, đề nghị xin ý kiến các Bộ, ngành để đảm bảo quy định đầy đủ các trường hợp cần quản lý	Tiếp thu. Dự thảo Nghị định này cũng đã được gửi lấy ý kiến tất cả các Bộ, ngành
33.	Bộ Tài chính	Khoản 1 Điều 2	<p>- Tại điểm 1 mục IV Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Quý Bộ kiến nghị “quy định miễn kiểm tra đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, tuy nhiên, sẽ quy định cụ thể các loại nguyên liệu được miễn kiểm tra chất lượng nhập khẩu...”. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định quy định nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa được miễn kiểm tra (trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật). Đề nghị thống nhất nội dung tại báo cáo tổng kết và dự thảo Nghị định.</p> <p>- Để đảm bảo kiểm soát đối với hàng hóa là nguyên liệu phục vụ sản xuất, Bộ Tài chính đề nghị sửa lại điểm k Khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP như sau:</p> <p>“k) nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho thương nhân nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng</p>	<p>- Tiếp thu</p> <p>- Tiếp thu</p>

			nội địa của tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật)".	
34.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khoản 1 Điều 2	Cần làm rõ trường hợp "nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật" không được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu. Theo tinh thần của Quyết định số 1258/QĐ-TTg thì quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu dùng nội địa không loại trừ bất kỳ nguyên liệu nào.	Tiếp thu
35.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Khoản 1 Điều 2	<p>Dự thảo sửa đổi quy định về sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu, theo đó "nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia tương ứng (trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật).</p> <p>Theo nội dung tại Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ thì hướng sửa đổi theo quy định này tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP là miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa. Như vậy, so sánh giữa chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ thì phạm vi nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa sửa đổi tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP được miễn kiểm tra là hẹp hơn (loại trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật), trong</p>	Tiếp thu

			<p>khí đó tại Tờ trình, Ban soạn thảo cũng chưa giải thích về việc tại sao lại loại trừ hai nguyên liệu nhập khẩu này.</p> <p>Đề đảm bảo đúng tinh thần cải cách thể hiện tại Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban soạn thảo sửa đổi quy định bổ sung miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa (không loại trừ nguyên liệu nào) hoặc trong trường hợp có lý do hợp lý để loại trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ra khỏi danh mục hàng hóa được miễn kiểm tra, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung nội dung giải trình về quy định này.</p>	
36.	Sở KH&CN Hà Tĩnh	Khoản 1, Điều 2	<p>Đề nghị sửa như sau: “<i>k) Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa đã được quản lý chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật)</i>”.</p>	<p>Bảo lưu, vì quy định như ý kiến của Sở KH&CN Hà Tĩnh thì được hiểu là chỉ những nguyên liệu đã được quy định quản lý chất lượng theo QCVN thì mới được miễn kiểm tra. Theo quy định của dự thảo Nghị định thì những nguyên liệu để phục vụ sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa mà hàng hóa này đã được quản lý chất lượng theo QCVN thì sẽ được miễn kiểm tra khi nhập khẩu</p>
37.	Sở KH&CN Thừa Thiên Huế	Khoản 1, Điều 2	<p>Đề nghị sửa như sau:</p> <p>“<i>k) Nguyên liệu, vật tư, hàng mẫu để gia công cho nước ngoài, để sản xuất hàng xuất khẩu; nguyên liệu để sản xuất hàng hóa tiêu thụ nội địa trong trường hợp hàng hóa đã được quản lý chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Quy chuẩn kỹ</i></p>	<p>Nghiên cứu, tiếp thu bổ sung thêm “Quy chuẩn kỹ thuật địa phương”</p>

			thuật địa phương, tiêu chuẩn cơ sở (trừ nguyên liệu để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật);”.	
38.	Sở KHCN Tp. Hồ Chí Minh	Khoản 1, Điều 2	Đề nghị xem xét đối với trường hợp không có hợp đồng mua bán giữa người nhập khẩu với đơn vị sản xuất thì khó xác định nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hay tiêu chuẩn công bố áp dụng.	Trường hợp người nhập khẩu không chứng minh được với cơ quan hải quan là nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng hóa được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì người nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định
39.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khoản 2 Điều 2	Dự thảo cần quy định cụ thể đối với loại hàng hóa không nhằm mục đích kinh doanh theo Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phải thực hiện kiểm tra để giảm thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp nhập khẩu.	Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thì hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).
40.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Khoản 2 Điều 2	Dự thảo đã bỏ “các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hàng hóa phi mậu dịch) theo quy định của pháp luật” ra khỏi đối tượng là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu. Việc sửa đổi theo hướng trên của dự thảo chưa thực sự đúng tinh thần của Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ “quy định cụ thể về hàng hóa không nhằm mục đích kinh doanh bao gồm những mục đích gì và giải thích loại hình phi mậu dịch” về lý thuyết là gia tăng thêm thủ tục hành chính cho các chủ thể nhập khẩu loại mặt hàng này (theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP thì không phải thực hiện kiểm tra nhà nước, trong khi đó theo quy định tại dự thảo thì	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định theo hướng khi pháp luật có quy định về loại hình phi mậu dịch thì sẽ thực hiện theo quy định này. Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều Bộ, ngành, địa phương thì việc quy định về loại hình phi mậu dịch như Nghị định 74/2018/NĐ-CP là chưa cụ thể

			<p>lại phải thực hiện kiểm tra).</p> <p>Đề nghị Ban soạn thảo giải trình rõ lý do không sửa đổi quy định Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tính minh bạch của chính sách.</p>	<p>đến dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện. Do đó, Bộ KH&CN đã đánh giá trong Báo cáo đánh giá tác động và kiến nghị bãi bỏ điều khoản này</p>
41.	Sở KHCN TP. Hồ Chí Minh	Khoản 2, Điều 2	<p>Đề nghị không bãi bỏ điểm p khoản 7 điều 7 dự thảo Nghị định sửa đổi.</p> <p><u>Lý do:</u> Hàng phi mậu dịch đã xác định là hàng hóa được miễn thuế, hàng không dùng cho mục đích kinh doanh, bên cạnh đó hàng hóa phi mậu dịch thường có số lượng ít nên không đủ số lượng để đánh giá các chỉ tiêu thử nghiệm.</p>	<p>Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).</p> <p>Nghị định 74/2018/NĐ-CP quy định theo hướng khi pháp luật có quy định về loại hình phi mậu dịch thì sẽ thực hiện theo quy định này. Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều Bộ, ngành, địa phương thì việc quy định về loại hình phi mậu dịch như Nghị định 74/2018/NĐ-CP là chưa cụ thể dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện. Do đó, Bộ KH&CN đã đánh giá trong Báo cáo đánh giá tác động và kiến nghị bãi bỏ điều khoản này.</p>

				Còn các hàng hóa được miễn thuế theo ý kiến của Sở KHCN TP. Hồ Chí Minh đã được quy định tại điểm a, b, đ, e, l khoản 7 Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP
42.	Sở KHCN TP. Cần Thơ	Khoản 2, Điều 2	<p>Đề nghị không bãi bỏ điểm p Khoản 7 Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP, mà cụ thể hóa các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.</p> <p>Lý do:</p> <p>1) Trong xu thế toàn cầu hóa, việc doanh nghiệp mua bán, trao đổi hàng hóa xuyên quốc gia ngày càng phổ biến, trong đó doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để phục vụ nhu cầu nội bộ, đầu tư xây dựng nhà xưởng, hoặc hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí qua các mua bán khâu trung gian, tăng lợi nhuận đầu tư, mà không nhằm mục đích kinh doanh là nhu cầu thiết yếu và chính đáng của doanh nghiệp. Việc yêu cầu các doanh nghiệp này phải tuân thủ quy định quản lý nhà nước về kiểm tra chất lượng như hàng hóa nhập khẩu vì mục đích thương mại sẽ làm phát sinh thêm công sức, chi phí, thời gian và gây trở ngại cho sự phát triển của doanh nghiệp.</p> <p>2) Việc cụ thể hóa các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch) tại các văn bản quy phạm pháp luật khác vừa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, vừa</p>	<p>Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính).</p> <p>Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định theo hướng khi pháp luật có quy định về loại hình phi mậu dịch thì sẽ thực hiện theo quy định này. Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều Bộ, ngành, địa phương thì việc quy định về loại hình phi mậu dịch như Nghị định 74/2018/NĐ-CP là chưa cụ thể dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện. Do đó, Bộ KH&CN đã đánh giá trong Báo cáo đánh giá tác động và</p>

			đảm bảo tính minh bạch của các quy định pháp luật, đồng thời thể hiện thái độ quan tâm tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng doanh nghiệp trong xu thế phát triển hiện nay. (Điều này thể hiện qua Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của Bộ Khoa học và Công nghệ, theo đó: có 05 Bộ và 33 địa phương cho rằng cần cụ thể hóa loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh (loại hình phi mậu dịch); các Bộ, ngành, địa phương còn lại không có ý kiến hoặc chưa có ý kiến hoặc do chưa phát sinh hồ sơ; chỉ 02 địa phương có ý kiến cho rằng không cần sửa đổi, bổ sung).	kiến nghị bãi bỏ điều khoản này
43.	Sở KHCN Khánh Hòa	Khoản 2, Điều 2	Đề nghị không bãi bỏ điểm p Khoản 7 Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP vì phù hợp với tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ, phù hợp với các loại hàng hóa trao đổi của dân cư biên giới...; chỉ nên quy định cụ thể và chi tiết các loại hàng hóa không nhằm mục đích kinh doanh, hàng hóa phi mậu dịch phù hợp với quy định liên quan như các quy định của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính.	Trước đây, tại Điều 69 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã quy định về hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch là hàng hóa không nhằm mục đích thương mại. Tuy nhiên, đến nay Thông tư này đã hết hiệu lực thi hành (được thay thế bởi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính). Nghị định số 74/2018/NĐ-CP quy định theo hướng khi pháp luật có quy định về loại hình phi mậu dịch thì sẽ thực hiện theo quy định này. Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều Bộ,

				<p>ngành, địa phương thì việc quy định về loại hình phí mậu dịch như Nghị định 74/2018/NĐ-CP là chưa cụ thể dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện. Do đó, Bộ KH&CN đã đánh giá trong Báo cáo đánh giá tác động và kiến nghị bãi bỏ điều khoản này.</p> <p>Còn các hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới theo ý kiến của Sở KHCN Khánh Hòa đã được quy định tại điểm e khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP</p>
44.	Bộ Tài chính	Khoản 3 Điều 2	<p>- Quy định các tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài, tuy nhiên, quy định của pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài đã được bãi bỏ tại dự thảo Nghị định này (Khoản 4 Điều 2 bãi bỏ Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)). Như vậy, việc chịu trách nhiệm trước pháp luật là quy định nào? Được quy định tại văn bản nào? Cần có giải trình rõ tại tờ trình báo cáo Chính phủ và có phương án xử lý trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính minh bạch của văn bản quy phạm pháp luật, tạo thuận lợi cho việc áp dụng.</p> <p>- Tại Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định: “2. Đối với tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng mã nước ngoài, tổ chức tự chịu</p>	<p>- Tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng mã nước ngoài, trường hợp nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp thì xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự</p> <p>- Nghiên cứu, tiếp thu</p>

			<p>trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài này.”</p> <p>Tại Điều 19 a và Khoản 1 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định về mã số, mã vạch theo tiêu chuẩn của tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 19b lại sử dụng thuật ngữ mới là “mã nước ngoài”. Để đảm bảo thống nhất, tránh cách hiểu khác nhau, đề nghị bổ sung định nghĩa “mã nước ngoài” hoặc xem xét sử dụng cụm từ “mã số, mã vạch theo tiêu chuẩn của tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1”.</p>	
45.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Khoản 3 Điều 2	<p>Dự thảo đã sửa đổi quy định về việc tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam sử dụng mã nước ngoài theo chuẩn của tổ chức mã số mã vạch quốc gia gs1 theo hướng “Đối với tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng mã nước ngoài, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài này” đồng thời bỏ quy định tại Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) về thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch.</p> <p>Quy định này có nghĩa, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng mạng nước ngoài không phải thực hiện thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch.</p> <p>Việc sửa đổi này thể hiện rất rõ tinh thần cầu thị, lắng nghe ý kiến từ cộng đồng doanh nghiệp của cơ quan chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, để tinh thần này</p>	<p>- Nghiên cứu, tiếp thu đề sử dụng thống nhất cụm từ “mã số, mã vạch theo tiêu chuẩn của tổ chức mã số, mã vạch quốc tế GS1”.</p> <p>- Việc quản lý nhà nước về mã số mã vạch và việc sử dụng mã số mã vạch nước ngoài đã được quy định từ gần 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số mã vạch và các VBQPPL hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHHCN ngày 23/8/2006, Thông tư số 16/2011/TT-BKHHCN ngày 30/6/ 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về</p>

		<p>thể hiện một cách triệt để trong quy định, đề nghị Ban soạn thảo xem xét cân nhắc quy định trên ở điểm sau:</p> <p>Việc sử dụng khái niệm “mã nước ngoài” khiến cho phạm vi điều chỉnh của Khoản này rộng hơn quy định tại Điều 19 chỉ quy định về mã số, mã vạch.</p> <p>Quy định “tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài này” có thể hiểu, tổ chức sử dụng mã nước ngoài này sẽ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Điều chỉnh về mã nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay các quy định về Điều chỉnh về mã nước ngoài đang không rõ ở các văn bản pháp luật nào? Bản thân quy định tại dự thảo, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP/2018/NĐ-CP định về mã nước ngoài. Do vậy, quy định này khi triển khai trên thực tế có thể gây lúng túng cho đối tượng áp dụng.</p> <p>Việc bỏ hoàn toàn quy định tại Khoản 2 Điều 19b sẽ đảm bảo thống nhất trong cách hiểu là tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam sử dụng mã nước ngoài theo chuẩn của tổ chức mã số mã vạch quốc tế sẽ không phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào liên quan đến việc sử dụng mã này.</p> <p>Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo quy định bãi bỏ Khoản 2 Điều 19b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đồng thời rà soát và bỏ quy định về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc sử dụng mã nước ngoài theo chuẩn của tổ chức mã số mã vạch quốc tế gs1 tại dự thảo Nghị định sửa đổi,</p>	<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BKH&CN) và được thực hiện trước khi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 được ban hành.</p> <p>Theo thông lệ quốc tế, khi đăng ký với GS1 (Tổ chức mã số mã vạch toàn cầu), một doanh nghiệp sẽ được cấp một hoặc một số tiền tố doanh nghiệp (GCP) và từ đó cho phép tạo ra các mã định danh dòng sản phẩm (GTIN), đơn nhất trên toàn cầu. Do đó, các doanh nghiệp khác muốn sử dụng mã nước ngoài đã được đăng ký của doanh nghiệp chủ sở hữu mã thì phải được ủy quyền của doanh nghiệp này. Điều này tạo sự minh bạch, góp phần chống gian lận trong quá trình thương mại quốc tế.</p> <p>Việc quản lý hệ thống mã số mã vạch quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, cung cấp thông tin và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tạo ra sự minh bạch trong sản xuất, chống việc giả tên của doanh nghiệp chủ sở hữu mã số mã vạch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ uy tín và hình ảnh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.</p> <p>Nội dung này đã được Bộ KH&CN</p>
--	--	---	--

			<p>bổ sung và bãi bỏ một số Điều của Nghị định số 119/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa xây dựng để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật (bởi vì dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 119/2017/NĐ-CP vẫn quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi “Sử dụng mã số, mã vạch nước ngoài để in trên sản phẩm, hàng hóa sản xuất, gia công, bao gói, sang chiết tại Việt Nam mà chưa được cơ quan nước ngoài có thẩm quyền hoặc tổ chức sở hữu mã số mã vạch cho phép bằng văn bản”).</p>	<p>phân tích cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động. Đồng thời, dự thảo Nghị định cũng đã quy định theo hướng doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng mã nước ngoài, bãi bỏ thủ tục hành chính về xác nhận sử dụng mã nước ngoài, điều này đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Trường hợp nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp thì xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự</p>
46.	Sở KHCN Phú Thọ	Khoản 3, Điều 2	<p>Đề nghị xem xét, sửa đổi: “2. Đối với tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng mã nước ngoài, tổ chức tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài này”. Đề nghị quy định rõ chịu trách nhiệm như thế nào để dễ thực hiện và dễ quản lý, kiểm tra.</p>	<p>Tổ chức phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng mã nước ngoài, trường hợp nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp thì xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự</p>
47.	Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)	Khoản 3 Điều 2	<p>- Đề nghị bỏ quy định về sử dụng mã nước ngoài khỏi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; đưa quy định về mã nước ngoài ra khỏi dự thảo sửa đổi. - Tiếp thu sửa đổi dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP như các góp ý đề xuất của VASEP để đồng bộ các quy định. Lý do: - Tại công văn số 122/2020/CV-VASEP, Hiệp hội VASEP đề nghị bãi bỏ quy định về sử dụng mã số</p>	<p>Việc quản lý nhà nước về mã số mã vạch và việc sử dụng mã số mã vạch nước ngoài đã được quy định từ gần 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg ngày 27/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung quản lý nhà nước về mã số mã vạch và cơ quan quản lý nhà nước về mã số mã vạch và các VBQPPL hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công</p>

		<p>mã vạch nước ngoài tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Lý do vì không có cơ sở pháp lý và không có cơ sở thực tiễn, thông lệ quốc tế. Tổ chức GS1 quốc tế cũng như chính phủ các nước không có quy định pháp lý về quản lý nhà nước đối với mã số mã vạch hàng hóa xuất nhập khẩu.</p> <p>- Việc tiếp tục có một điều khoản về sử dụng mã nước ngoài trong một Nghị định của Chính phủ (một văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực thi Luật) dù dưới phương diện không có quy định cụ thể đi kèm nhưng sẽ là không cần thiết và không phù hợp khi nội dung đó không phù hợp để quản lý bằng pháp lý.</p> <p>- Khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP chỉ đề cập đến mã số mã vạch nước ngoài nhưng trong dự thảo lại đề cập đến mã nước ngoài (tức là ngoài mã số mã vạch còn nhiều mã khác ví dụ như QR code...). Quy định này đã đưa toàn bộ mã nước ngoài được các tổ chức sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam và phạm vi quản lý nhà nước trong khi về bản chất, các mã này hoàn toàn không có ý nghĩa thực tế đối với công tác quản lý nhà nước và chỉ là các mã sử dụng mang tính chất tự nguyện trong các chuỗi quản lý hàng hóa của chủ hàng. Việc dự thảo mở rộng phạm vi sang các mã khác ngoài mã số mã vạch cũng đang đi ngược lại với tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 9208/VPCP-KGVX ngày 4/11/2020 về việc sửa đổi quy định pháp luật về sử dụng mã số mã vạch nước ngoài.</p> <p>- Hơn nữa, dự thảo quy định "tổ chức tự chịu trách</p>	<p>nhệ (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2006, Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN) và được thực hiện trước khi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 được ban hành.</p> <p>Theo thông lệ quốc tế, khi đăng ký với GS1 (Tổ chức mã số mã vạch toàn cầu), một doanh nghiệp sẽ được cấp một hoặc một số tiền tố doanh nghiệp (GCP) và từ đó cho phép tạo ra các mã định danh dòng sản phẩm (GTIN), đơn nhất trên toàn cầu. Do đó, các doanh nghiệp khác muốn sử dụng mã nước ngoài đã được đăng ký của doanh nghiệp chủ sở hữu mã thì phải được ủy quyền của doanh nghiệp này. Điều này tạo sự minh bạch, góp phần chống gian lận trong quá trình thương mại quốc tế.</p> <p>Việc quản lý hệ thống mã số mã vạch quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, cung cấp thông tin và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, tạo ra sự minh bạch trong sản xuất, chống việc giả tên của doanh nghiệp chủ sở hữu mã số mã vạch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo</p>
--	--	---	---

		<p>nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng mã nước ngoài” là không cần thiết khi quy định một điều đương nhiên về trách nhiệm tuân thủ pháp luật. Quy định như trong dự thảo không chỉ thiếu rõ ràng mà còn thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước (ví dụ như doanh nghiệp không biết là các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để thực hiện kiểm tra, thanh tra hay hậu kiểm việc sử dụng mã nước ngoài hay không).</p> <p>- Bên cạnh đó tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP, quy định xử phạt đối với các vi phạm hành chính về mã số mã vạch nước ngoài vẫn đang được giữ nguyên như tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP. Hiệp hội VASEP đã có công văn số 121/2020/CV-VASEP gửi Bộ Khoa học và Công nghệ góp ý cho dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 119/2017/NĐ-CP, trong đó chúng tôi có các góp ý đề nghị: “bỏ điểm đ) Khoản 1, bỏ điểm a) Khoản 3 và sửa đổi điểm e) Khoản 1 của Điều 32 Nghị định số 119/2017/NĐ-CP để đồng bộ quy phạm pháp luật với đề nghị bãi bỏ quy định sử dụng mã số mã vạch nước ngoài tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP kể trên.</p> <p>- Rõ ràng việc quy định “tự chịu trách nhiệm...” tại dự thảo sửa đổi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và việc giữ nguyên tắc quy định xử phạt tại dự thảo sửa đổi Nghị định số 119/2017/NĐ-CP là không phù hợp, không đồng bộ trong các quy định về quản lý mã số mã vạch nước ngoài đối với hàng xuất khẩu nói riêng, gây khó khăn trong việc thực thi các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất</p>	<p>vệ uy tín và hình ảnh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.</p> <p>Nội dung này đã được Bộ KH&CN phân tích cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động. Đồng thời, dự thảo Nghị định cũng đã quy định theo hướng doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về việc sử dụng mã nước ngoài, bãi bỏ thủ tục hành chính về xác nhận sử dụng mã nước ngoài, điều này đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Trường hợp nếu xảy ra khiếu nại, tranh chấp thì xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự</p>
--	--	--	--

			kinh doanh tại Việt Nam nói chung.	
48.	Bộ Quốc phòng	Khoản 4 Điều 2	- Đề nghị chỉnh lý như sau: “4. Bãi bỏ Điều 19d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Mẫu số 15, Mẫu số 16, Mẫu số 17, Mẫu số 18 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP”.	Nghiên cứu tiếp thu
49.	Bộ Tài chính	Khoản 4 Điều 2	Đề nghị tách các nội dung bãi bỏ các mẫu 15, 16, 17, 18 tại Khoản 4 Điều 2 thành một Khoản riêng do mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.	Nghiên cứu, tiếp thu
50.	Bộ Tư pháp	Khoản 5, Điều 2	Tại trang 7 Tờ trình có nêu “ <i>Các biện pháp tái xuất, tái chế, tiêu hủy là biện pháp bổ sung, khắc phục hậu quả kèm theo biện pháp xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cơ quan kiểm tra và cơ quan xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, nội dung quy định về trình tự, thủ tục các bước xử lý như thế nào thì không có quy định rõ</i> ”. Bộ Tư pháp cho rằng, nội dung nêu trên thuộc lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính nên đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung tại các văn bản quy định về xử lý vi phạm hành chính mà không đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này	Vì Luật CLSPHH và Nghị định 132/2008/NĐ CP chỉ quy định chung là hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng quy định thì cơ quan kiểm tra báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý: tái xuất (gắn với thẩm quyền của hải quan), tái chế hoặc tiêu hủy (thẩm quyền cơ quan xử phạt vi phạm hành chính) nhưng trình tự thực hiện như thế nào thì chưa được quy định rõ. Do đó, để bảo đảm thống nhất trong triển khai thực hiện, việc quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định đề hướng dẫn Luật CLSPHH là phù hợp
51.	Bộ Tài chính	Khoản 5 Điều 2	- Về hồ sơ cơ quan kiểm tra chuyên ngành chuyên cho cơ quan Hải quan xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn công bố áp dụng tại (điểm a): Theo dự thảo Nghị định thì	- Nghiên cứu, tiếp thu để tích hợp nội dung này trên Công thông tin một cửa Quốc gia

		<p>hồ sơ cơ quan kiểm tra chuyên ngành chuyên cho cơ quan Hải quan là hồ sơ bản giấy, việc này sẽ làm chậm trễ quá trình xử lý, gây nhiều thủ tục cho các bên, vì vậy đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về phối hợp xử lý giữa cơ quan Hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thông qua hệ thống điện tử, hệ thống một cửa quốc gia, để thuận lợi trong thực hiện đảm bảo xử lý kịp thời các vi phạm về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.</p> <p>- Tại điểm b2 Khoản 2d Điều 7 dự thảo Nghị định quy định “lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại mẫu số 5 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này”, tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính đã quy định biểu mẫu biên bản vi phạm hành chính mẫu MBB01. Qua đối chiếu làm hành chính tại dự thảo Nghị định và biểu mẫu biên bản vi phạm hành chính tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP có nội dung giống hệt nhau. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị không xây dựng thêm biểu mẫu biên bản vi phạm hành chính tại dự thảo Nghị định mà trích dẫn mẫu biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP.</p> <p>- Về việc cơ quan kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra cơ sở lưu giữ của người nhập khẩu để xác định lượng hàng hóa vi phạm còn tồn, đã tiêu thụ (điểm b2): Đề nghị Bộ KH&CN bổ sung quy định</p>	<p>- Nghiên cứu, tiếp thu</p> <p>- Căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan kiểm tra chuyên ngành sẽ quyết định nội dung này.</p>
--	--	---	--

		<p>rõ thủ tục ra quyết định kiểm tra, thời hạn thực hiện kiểm tra tối đa của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để đảm bảo thống nhất trong thực hiện, tránh gây phiền hà cho doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa.</p> <p>- Trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Luật khiếu nại, Luật tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc quy định thêm trình tự thực hiện sau khi có khiếu nại, tố cáo như tại điểm b Khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, đề nghị chỉnh lý lại.</p> <p>- Tại điểm c2: Đề nghị bỏ cụm từ “theo thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi bổ sung tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 1 năm 2015 của Chính phủ” để tránh bị lạc hậu khi có sự thay đổi, thay thế các văn bản pháp luật.</p> <p>- Yêu cầu người nhập khẩu báo cáo cơ quan kiểm tra việc thực hiện biện pháp khắc phục hàng hóa vi phạm theo phương án đã được chấp thuận và báo cáo kết quả thực hiện biện pháp tái xuất về cơ quan kiểm tra (điểm c2): đề nghị Bộ KH&CN bổ sung quy định rõ chế độ báo cáo đảm bảo thống nhất với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 1</p>	<p>- Hiện nay, các văn bản quy định về khiếu nại, tố cáo chưa có quy định cụ thể về việc sử dụng kết quả ĐGSPH lần 2 để giải quyết khiếu nại, tố cáo nên việc quy định như dự thảo là phù hợp</p> <p>- Nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung quy định khi các văn bản được viện dẫn có thay đổi, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định của văn bản mới</p> <p>- Nghiên cứu, tiếp thu</p>
--	--	--	---

			<p>năm 2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, cá nhân liên quan.</p> <p>- Về việc xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng quy định về chất lượng, Bộ Tài chính Đề nghị Quý Bộ:</p> <p>+ Nghiên cứu, bổ sung biện pháp xử lý đối với hàng hóa nhập khẩu được kiểm tra sau thông quan (hàng hóa được áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại Khoản 2 a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) nhưng kiểm tra không đạt chất lượng. Ví dụ chuyển hàng hóa sang kiểm tra trước thông quan; kiểm soát chặt đối với các lô hàng nhập khẩu của doanh nghiệp vi phạm;</p> <p>+ Để phục vụ cho công tác đánh giá rủi ro, quản lý đối với những doanh nghiệp có rủi ro cao, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, ngành trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tiêu chuẩn công bố áp dụng cho cơ quan hải quan để thực hiện kiểm soát các lô hàng tiếp theo.</p>	<p>- Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BKHCHN.</p>
52.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Khoản 5 Điều 2	<p>Dự thảo bổ sung quy định về xử lý hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Tuy nhiên, quy định này cần được xem xét ở các điểm sau:</p> <p>- Quy định này quy định về trình tự xử lý hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng nhưng lại không quy định về khoảng thời gian xử lý giữa các bước này, vì vậy quy trình này trở nên chưa rõ ràng;</p>	<p>- Căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan kiểm tra chuyên ngành sẽ quyết định nội dung này.</p>

			<p>- Điểm b3 quy định “trường hợp người nhập khẩu để xuất phương án tiêu hủy thì phương án tiêu hủy phải được cơ quan quản lý môi trường chấp thuận”. Đây là một dạng của giấy phép con nhưng không rõ về trình tự thủ tục tiêu chí để cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận phương án này? Hoặc không rõ văn bản nào quy định về thủ tục này? Sự thiếu rõ ràng này có thể gây khó khăn lúng túng cho đối tượng áp dụng trên thực tế;</p> <p>- Điểm b5 quy định, trường hợp có khiếu nại, tố cáo liên quan đến kết quả đánh giá sự phù hợp hoặc kết quả đánh giá sự phù hợp không thống nhất về cùng một lô hàng nhập khẩu, thì việc đánh giá này có thể được thực hiện lại. Nhưng sau khi đánh giá lại, nếu kết quả trước đó là chính xác hoặc không chính xác thì quy trình xử lý tiếp theo như thế nào lại không thấy quy định?.</p> <p>Để đảm bảo thuận lợi trong quá trình thực hiện, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ những vấn đề trên.</p>	<p>- Về nội dung này đã được Bộ TNMT nhất trí với dự thảo Nghị định. Do đó, bảo lưu</p> <p>- Dự thảo Nghị định đã quy định kết quả thử nghiệm của tổ chức ĐGSPH do cơ quan kiểm tra lựa chọn là cơ sở để cơ quan kiểm tra tiếp tục xử lý</p>
53.	UBND tỉnh Kiên Giang	Khoản 5, Điều 2	<p>Đề nghị đưa Khoản 5, Điều 2 thành một Điều riêng. Cụ thể:</p> <p>“Điều Bổ sung khoản 2d Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.”</p>	Tiếp thu
54.	Bộ Công Thương	Khoản 5 Điều 2	<p>- Đề nghị cân nhắc về nội dung xử lý hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật. Lý do: Nội dung xử lý các sản phẩm hàng hóa chưa thống nhất áp dụng biện pháp quản lý tại khoản 2a, 2b, 2c Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Đề nghị ban soạn</p>	<p>- Điểm a khoản này đã quy định việc xử lý đối với hàng hóa áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại khoản 2c Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP có kết quả đánh giá sự phù hợp</p>

			<p>thảo bổ sung các biện pháp quản lý đối với các sản phẩm hàng hóa áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại khoản 2c Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP có kết quả đánh giá sự phù hợp không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật công bố áp dụng.</p> <p>- Ban soạn thảo cần nhắc chuyển nội dung của khoản này sang Điều 8 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định về “Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và xử lý vi phạm”.</p>	<p>không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật công bố áp dụng</p> <p>- Tiếp thu</p>
55.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Khoản 5, Điều 2	<p>Đối với việc bổ sung khoản 2d Điều 7, đề nghị bổ sung thêm quy định xử lý đối với số lượng hàng hóa đã tiêu thụ (có thu hồi để khắc phục, có bồi thường cho người thiệt hại...?).</p>	<p>Hiện nay, Bộ KH&CN đang xem xét đề ban hành Thông tư hướng dẫn xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ để làm căn cứ xử lý đối với số lượng hàng hóa đã tiêu thụ. Việc bồi thường cho người thiệt hại thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương V Luật Chất lượng SPHH</p>
56.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Điểm b Khoản 5 Điều 2	<p>Điểm b Khoản 5 Điều 2, nên ưu tiên phương án tái xuất đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trong trường hợp không thể tái xuất thì mới xem xét đến các phương án khác.</p>	<p>Nghiên cứu, tiếp thu</p>
57.	Sở KHCN Khánh Hòa	Điểm b, Khoản 5, Điều 2	<p>Đối với các vi phạm để cơ quan kiểm tra tổ chức kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2d: Đề nghị bổ sung trong quy định này áp dụng cho cả trường hợp hàng hóa nhập khẩu áp dụng biện pháp quản lý theo quy định tại khoản 2a, 2b nhưng không nộp kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định sau 15 ngày</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung nội dung quy định “nếu quá thời hạn mà chưa nộp được kết quả tự đánh giá sự phù hợp, người nhập khẩu có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành” vào điểm c khoản 2a, điểm c</p>

			<i>mà không có văn bản xin gia hạn</i> ; ngoài ra cần bổ sung quy định về thời gian tối đa cho phép để người nhập khẩu nộp kết quả đánh giá sự phù hợp kể cả trường hợp có văn bản xin gia hạn.	khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Đồng thời, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP cũng đã bổ sung hành vi vi phạm này (để xử lý đối với hàng hậu kiểm)
58.	Sở KHCN TP. Hồ Chí Minh	Mục b1 khoản 5 Điều 2	- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng thực hiện theo quy định tại mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP/2018/NĐ-CP. Yêu cầu người nhập khẩu tạm ngừng lưu thông, tiến hành thu hồi hàng hóa, báo cáo cơ quan kiểm tra chất lượng hàng hóa còn tồn, đã tiêu thụ, tình trạng hàng hóa và đề xuất biện pháp khắc phục tái chế hoặc thay đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy. - Đề nghị bổ sung phương án tái xuất để thống nhất nội dung trong Nghị định sửa đổi.	Tiếp thu
59.	Sở KHCN Khánh Hòa	Mục b1, b2, điểm b, Khoản 5, Điều 2	Đề nghị bổ sung thêm quy định khoảng thời gian tối đa (trong vòng ... ngày) kể từ ngày người nhập khẩu nộp kết quả đánh giá sự phù hợp không đạt yêu cầu cơ quan kiểm tra phải Thông báo ..., tổ chức kiểm tra.	Nghiên cứu tiếp thu
60.	Bộ Xây dựng	Mục b2, điểm b, Khoản 5, Điều 2	Đề nghị tách biên bản niêm phong và biên bản mở niêm phong để tránh hiểu nhầm	Nghiên cứu tiếp thu
61.	Bộ Xây dựng	Mục b3,	Ý thứ nhất: đề nghị thêm từ "tái sử dụng" sau từ tái	- Bảo lưu

		điểm b, Khoản 5, Điều 2	chế độ tiêu hủy sản phẩm nhập khẩu không đạt. Ý thứ hai: đề nghị bổ sung cơ quan chuyên môn cùng cơ quan môi trường.	- Theo Bộ KH&CN, chỉ cần cơ quan quản lý môi trường chấp thuận là được
62.	Sở KHCN Khánh Hòa	Mục b3 Điểm b Khoản 5, Điều 2	Về xem xét phương án đề xuất biện pháp khắc phục của người nhập khẩu: Việc xem xét phương án đề xuất biện pháp khắc phục của người nhập khẩu... sau khi lập biên bản vi phạm hành chính là không phù hợp; vì theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính thời hạn ra quyết định xử lý vi phạm hành chính là 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính. Nếu việc xem xét hoặc sửa đổi phương án khắc phục của người nhập khẩu phải thực hiện nhiều lần, phải gửi và có ý kiến của cơ quan môi trường... thì sẽ gây ra nguy cơ vi phạm về thời gian ra quyết định xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, đề nghị sửa đổi việc xem xét phương án đề xuất biện pháp khắc phục của người nhập khẩu như sau: Trong thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng phải yêu cầu người nhập khẩu lập phương án đề xuất biện pháp khắc phục; việc xem xét phương án khắc phục lấy ý kiến cơ quan môi trường... phải thực hiện trước khi lập Biên bản vi phạm hành chính hoặc bổ sung thêm quy định trong mục này được phép kéo dài thêm thời hạn quyết định xử phạt vi phạm hành chính tối đa 30 ngày theo quy định tại khoản 1 điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.	Nghiên cứu tiếp thu
63.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Mục b3, Khoản 5, Điều 2	Đối với điểm b3 thuộc khoản 2d, đề nghị làm rõ cơ quan nào có thẩm quyền chấp thuận hay không chấp thuận phương án tái chế trong nước hoặc tái xuất; cơ	Cơ quan có thẩm quyền được quy định cụ thể tại văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành

			quan quản lý môi trường là cơ quan nào có thẩm quyền chấp thuận phương án tiêu hủy; làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu trong việc gửi hồ sơ tới các cơ quan thẩm quyền để xin chấp thuận các phương án trên.	trong lĩnh vực TCĐLCL (Nghị định 119/2017/NĐ-CP). Về cơ quan quản lý môi trường, Bộ KH&CN sẽ tiếp thu ý kiến của Bộ TNMT
64.	Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh	Mục b3 Khoản 5 Điều 2	Đề nghị hướng dẫn và quy định cụ thể “cơ quan quản lý có thẩm quyền” là cơ quan ra quyết định xử phạt hay cơ quan nào?.	Cơ quan có thẩm quyền được quy định cụ thể tại văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành trong lĩnh vực TCĐLCL (Nghị định 119/2017/NĐ-CP)
65.	Sở KH&CN Hải Dương	Mục b3, Khoản 5, Điều 2	- “b3) Xem xét phương án đề xuất biện pháp khắc phục của người nhập khẩu: Trường hợp người nhập khẩu đề xuất phương án tái chế trong nước hoặc tái xuất để trả lại cho khách hàng hoặc thay đổi mục đích sử dụng sản phẩm, hàng hóa, cơ quan kiểm tra xem xét các phương án này, báo cáo và đề xuất cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận hay không chấp thuận phương án”. Đề nghị nêu rõ cơ quan quản lý có thẩm quyền ở đây là cơ quan nào để cơ quan kiểm tra báo cáo khi nhận được phương án tái chế của doanh nghiệp. - “Trường hợp người nhập khẩu đề xuất phương án tiêu hủy thì phương án tiêu hủy phải được cơ quan quản lý môi trường chấp thuận” đề nghị sửa thành “Trường hợp người nhập khẩu đề xuất phương án tiêu hủy thì phương án tiêu hủy phải được cơ quan quản lý môi trường chấp thuận và thành lập hội đồng giám sát việc tiêu hủy”.	- Cơ quan có thẩm quyền được quy định cụ thể tại văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành trong lĩnh vực TCĐLCL (Nghị định 119/2017/NĐ-CP) - Bộ KH&CN sẽ tiếp thu ý kiến của Bộ TNMT
66.	Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh	Mục b5	Đề nghị bổ sung quy trình kiểm tra sau tái chế để	Việc kiểm tra sau tái chế là kiểm tra

	Minh	khoản 5 Điều 2	thống nhất trong thực hiện.	việc có thực hiện theo đúng phương án tái chế đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Hàng hóa sau tái chế chỉ được lưu thông trên thị trường khi có thông báo lô hàng được lưu thông
67.	Sở KHCN TP. Hồ Chí Minh	Mục b5 khoản 5 Điều 2	Đề nghị sửa đổi: “Nếu có khiếu nại, tố cáo liên quan đến kết quả đánh giá sự phù hợp và kết quả đánh giá sự phù hợp không thống nhất về cùng lô hàng nhập khẩu thì thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Khi đó, việc kiểm tra, đánh giá sự phù hợp lại phải do cơ quan kiểm tra chỉ định. Kết quả thử nghiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp do cơ quan kiểm tra chỉ định là cơ sở để cơ quan kiểm tra tiếp tục xử lý”.	Nghiên cứu tiếp thu. Tuy nhiên, không sử dụng cụm từ “chỉ định” vì sẽ gây nhầm lẫn với hoạt động chỉ định của các Bộ QLCN và CQKT lại thực hiện lại việc chỉ định TC ĐGSPH; đề xuất sử dụng cụm từ “lựa chọn”.
68.	UBND tỉnh Kiên Giang	Mục c2, Khoản 5, Điều 2	Mục này dẫn chiếu tới Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, cả 02 Nghị định này đang được sửa đổi, bổ sung. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, đối chiếu các nội dung quy định để đảm bảo thống nhất.	Nghiên cứu tiếp thu theo ý kiến góp ý của Bộ Tài chính
69.	Sở KHCN Hải Dương	Mục c2, Khoản 5, Điều 2	“- Trường hợp áp dụng biện pháp tiêu hủy thì việc tiêu hủy hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường” đề nghị nêu cụ thể trình tự thực hiện tương tự như đã nêu tại trường hợp áp dụng biện pháp tái xuất để trả lại cho khách hàng và được cơ sở sản xuất tại nước xuất khẩu chấp thuận... đã nêu ở phần trên để người nhập khẩu thuận lợi khi triển khai thực hiện cũng như cơ quan kiểm tra giám sát việc thực hiện.	Về góp ý này, Bộ KH&CN sẽ tiếp thu theo ý kiến góp ý của Bộ TNMT

70.	Bộ Xây dựng	Điểm d Khoản 5, Điều 2	Khoản 5d Điều 2 đề nghị làm rõ thêm “thông báo kết quả đánh giá sự phù hợp”.	Nghiên cứu tiếp thu
71.	Sở KHCN Đăk Lăk	Điểm d Khoản 5, Điều 2	Đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại cụm từ “bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng nhà nước về hàng hóa nhập khẩu” sửa thành “bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu”.	Tiếp thu
72.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Biểu mẫu	Về các mẫu kèm theo Nghị định: mẫu số 01 đề nghị xem xét bỏ đoạn tiêu đề Quyết định “được áp dụng biện pháp... (1)”, xem xét sự thống nhất giữa “Thẩm quyền ban hành văn bản (2)” và người ký “Thủ trưởng cơ quan kiểm tra”; mẫu số 02 xem xét bỏ đoạn tiêu đề Biên bản kiểm tra “được áp dụng biện pháp...(1)” và có quy định để xử lý nếu Đại diện cơ sở được kiểm tra không công nhận biên bản kiểm tra, không ký vào biên bản; mẫu số 03 đề nghị làm rõ sự cần thiết ghi thông tin “lượng hàng hóa đã bán tính từ thời điểm thông quan đến thời điểm niêm phong hàng hóa” và xem xét cộ chữ ký của cơ quan/đại diện chứng kiến; mẫu số 05 đề nghị xem xét cách ghi mục 4 (cá nhân/tổ chức bị thiệt hại), và chữ ký của người bị thiệt hại nếu không xác định được cụ thể người bị thiệt hại.	Nghiên cứu tiếp thu
73.	Sở KHCN Tp. Hồ Chí Minh	Mẫu số 1 (QĐ kiểm tra) và mẫu số 2 (Biên bản kiểm tra)	Đề nghị bỏ nội dung “được áp dụng biện pháp...(1)” trên phần tiêu đề các biểu mẫu.	Nghiên cứu tiếp thu

74.	Sở KHCN Tp. Hồ Chí Minh	Mẫu số 1 (Quyết định kiểm tra)	Đề nghị hướng dẫn và quy định cụ thể “Nội dung kiểm tra” và “Chế độ kiểm tra” tại Điều 2 để thống nhất trong thực tiễn.	Nghiên cứu tiếp thu
75.	Sở KHCN Phú Thọ	Mẫu tạm dừng lưu thông hàng hóa	Đề nghị bổ sung Mẫu tạm dừng lưu thông hàng hóa vi tại điểm b1) có nội dung yêu cầu người nhập khẩu tạm dừng lưu thông. “ b1) Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP/2018/NĐ-CP, yêu cầu người nhập khẩu tạm dừng lưu thông, tiến hành thu hồi hàng hóa, báo cáo cơ quan kiểm tra lượng hàng hóa còn tồn, đã tiêu thụ, tình trạng bảo quản hàng hóa và đề xuất biện pháp khắc phục, tái chế hoặc thay đổi mục đích sử dụng hoặc tiêu hủy”. Nhưng trong Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung không có.	Nghiên cứu tiếp thu
76.	Bộ Tài chính	Quy định nộp đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chất lượng	Tại Khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa đối với hàng hóa phải kiểm tra chất lượng sau thông quan. Việc quy định doanh nghiệp phải nộp đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chất lượng cho cơ quan Hải quan làm phát sinh thủ tục không cần thiết tại không thông quan hàng hóa. Với quy định này, tỷ lệ lô	Kiến nghị bảo lưu, nội dung này đã được giải trình cụ thể tại Báo cáo đánh giá tác động

			<p>hàng nhập khẩu thuộc luồng vàng (kiểm tra hồ sơ) tăng lên do cơ quan Hải quan phải kiểm tra chứng từ đăng ký này. Dẫn đến kéo dài thời gian thông quan hàng hóa, tăng chi phí cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp.</p> <p>Tại phụ lục II Quyết định 1258/QĐ-TTg ngày 17/8/2020, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ KH&CN nghiên cứu sửa đổi quy định, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký có xác nhận cho cơ quan Hải quan. Tuy nhiên, tại điểm 1 mục IV Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Quý Bộ kiến nghị giữ nguyên quy định này để giúp cơ quan kiểm tra có đầy đủ thông tin để thực hiện việc kiểm tra, giám sát (hậu kiểm).</p> <p>Việc cung cấp, trao đổi thông tin về tờ khai hàng hóa giữa các cơ quan nhà nước đã được quy định rõ tại Quyết định số 33/2016/QĐ-TTG ngày 19/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử. Do vậy, để đảm bảo thông tin phục vụ công tác hậu kiểm đối với hàng hóa, đồng thời tại thuận lợi cho doanh nghiệp và giảm thời gian thông quan hàng hóa, Bộ Tài chính đề nghị nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra có xác nhận của cơ quan kiểm tra đề thông quan hàng hóa</p>	
77.	Bộ Tài chính	Hàng hóa tạm nhập tái xuất	Tại điểm g Khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132 (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) quy định "Hàng hóa, vật tư, thiết	Nghiên cứu tiếp thu

			<p>bị, máy móc tạm nhập – tái xuất không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam” được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng. Về quy định này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa tạm nhập, tái xuất nếu muốn chuyển tiêu thụ nội địa thì phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa và phải áp dụng chính sách quản lý theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu. Do vậy, việc quy định hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc tạm nhập - tái xuất không tiêu thụ tại Việt Nam là không phù hợp thực tiễn. - Trong thực tế phát sinh một số trường hợp hàng hóa tạm nhập và sử dụng tại Việt Nam để phục vụ cho các sự kiện như hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, thi đấu thể thao, văn hóa, biểu diễn nghệ thuật... hoặc để sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì. Hàng hóa sẽ được tái xuất sau kết thúc các sự kiện. Do vậy, chất lượng đối với hàng tạm nhập tái xuất (bao gồm hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm nhập tái xuất khác). 	
78.	Bộ Tài chính	Xử lý vi phạm hành chính	<p>Hiện nay, việc xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính và hệ thống các văn bản quy định về xử phạt trong từng lĩnh vực cụ thể theo đúng thẩm quyền và quy trình riêng. Do đó, việc quy định tại dự thảo Nghị định về hồ sơ xử lý vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định xử phạt, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện quyết định xử phạt, việc thực hiện quyết định xử phạt, việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả... là chưa phù hợp với phạm vi điều chỉnh</p>	Nghiên cứu tiếp thu

			<p>của Nghị định, đề nghị có nghiên cứu để chỉnh lý lại. Ngoài ra, việc xử lý vi phạm về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị không quy định về xử lý vi phạm đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu (tại khoản 3 Điều 1 dự thảo) và xử lý vi phạm đối với hàng hóa nhập khẩu không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng (tại Khoản 5 Điều 2 dự thảo). Trường hợp cần bổ sung quy định thì đề nghị Quý Bộ nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2017/NĐ-CP.</p>	
79.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Nội dung khác	<p>Đối với trường hợp quy định việc kiểm tra chất lượng theo quy định tại Khoản 2a, 2b của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, đề nghị Ban soạn thảo bổ sung tại dự thảo Nghị định về biện pháp xử lý trong trường hợp người nhập khẩu không nộp lại chứng chỉ chất lượng (hiện nay dự thảo mới chỉ quy định việc xử lý đối với trường hợp kiểm tra chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia).</p>	Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 06/2020/TT-BKHCHN
80.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Nội dung khác	<p>Đề nghị bổ sung nội dung làm rõ tại dự thảo Nghị định đối với cơ quan có thẩm quyền xác nhận miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu, các hồ sơ, tài liệu chứng minh khi nộp hồ sơ miễn kiểm tra chất lượng nhập khẩu đối với từng trường hợp.</p>	Cơ quan kiểm tra có thẩm quyền xác nhận miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu. Hồ sơ, tài liệu đã được quy định tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP
81.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Nội dung khác	<p>Đề nghị bổ sung nội dung làm rõ tại dự thảo Nghị định “số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký” trong thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng là khối</p>	Doanh nghiệp có thể nhập khẩu nhiều loại hàng hóa trong một lô hàng, do đó, việc kê khai số lượng, khối lượng

			lượng, số lượng đã đăng ký hay số lượng, khối lượng dự kiến đăng ký miễn giảm kiểm tra.	đối với các loại hàng hóa thuộc đối tượng được miễn giảm kiểm tra
82.	Sở KHCN Tp. Hồ Chí Minh	Nội dung khác	<p>Đề nghị quy định chi tiết về thời gian tại điểm g khoản 1 Điều 19b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP “Nộp phí cấp và phí duy trì quyền sử dụng mã số, mã vạch” theo quy định.</p> <p>Lý do: thời gian đóng phí hiện chỉ được thể hiện trong Phụ lục mẫu phiếu đăng ký sử dụng mã số mã vạch cam kết đóng phí trước 30 tháng 6 hàng năm.</p>	Điểm g khoản 1 Điều 32 Nghị định 119/2017/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm “Không thực hiện đóng phí duy trì sử dụng MSMV theo quy định”. Do đó, trường hợp tổ chức không nộp phí duy trì sẽ bị xử lý theo quy định. Còn trường hợp không nộp phí cấp mới thì sẽ không được cấp quyền sử dụng MSMV
83.	Sở KHCN Tp. Hồ Chí Minh	Nội dung khác	<p>Đề nghị thống nhất giữa 2 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP về hành vi “Không khai báo thông tin trên cơ sở dữ liệu mã số, mã vạch quốc gia”.</p> <p>Lý do: Nghị định số 74/2018/NĐ-CP không có quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng mã số, mã vạch phải thực hiện khai báo thông tin trên cơ sở dữ liệu mã số, mã vạch quốc gia. Tuy nhiên, tại điểm e khoản 1 Điều 32 Nghị định Nghị định số 119/2017/NĐ-CP có quy định biện pháp chế tài xử lý đối với hành vi “Không khai báo thông tin trên cơ sở dữ liệu mã số, mã vạch quốc gia”.</p>	Tiếp thu
84.	Sở KHCN Khánh Hòa	Nội dung khác	Đề nghị bổ sung một điều quy định cụ thể nhiệm vụ của Bộ Tài chính, Cơ quan Hải quan trong việc chủ trì phối hợp với các cơ quan kiểm tra trong việc xử lý vi phạm trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa (cử người tham gia đoàn kiểm tra, tải xuất, xử lý vi phạm hành chính, phối hợp đôn đốc thực hiện Quyết	Nhiệm vụ của cơ quan hải quan trong công tác kiểm tra hàng nhập khẩu được quy định cụ thể tại Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn Luật. Đồng thời, Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg đã ban hành “Quy

			định xử lý vi phạm hành chính...).	chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá”
85.	Sở KH&CN Khánh Hòa	Nội dung khác	Trong dự thảo Nghị định cũng cần có quy định việc xử lý đối với hàng hóa đã lưu thông nhưng không thu hồi được. Ngoài ra, cũng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, hướng dẫn thực hiện nghị định Nghị định số 119/2017/NĐ-CP quy định riêng mức phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã thông quan không đạt yêu cầu chất lượng, nhưng chưa đưa ra lưu thông, hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho sản xuất hoặc triển khai dự án nhưng chưa đưa vào sử dụng; đồng thời hướng dẫn cách tính giá trị lô hàng để áp dụng mức phạt cho các hành vi vi phạm trong nhập khẩu (như cách tính giá trị lô hàng để phạt hành vi nhập khẩu hàng hóa, tính giá trị lô hàng để phạt hành vi kinh doanh hàng hóa...).	Hiện nay, Bộ KH&CN đang xem xét để ban hành Thông tư hướng dẫn xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ để làm căn cứ xử lý đối với số lượng hàng hóa đã tiêu thụ và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 119/2017/NĐ-CP
86.	Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch	Nội dung khác	- Trong quá trình triển khai thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo hướng giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP/2018/NĐ-CP, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận thấy còn có sự bất cập trong việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các bộ ngành đối với một số nhóm sản phẩm, hàng hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất dự thảo Nghị định bổ sung thêm nội dung sửa đổi bổ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa với nhóm: Công trình thể thao;	Nghiên cứu tiếp thu

		<p>Quảng cáo ngoài trời tại khoản 2 và khoản 3 tại mục 14 sửa đổi Điều 32 trong Nghị định số 74/2018/NĐ-CP/2018/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>- Điểm 1 Khoản 2 Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và điểm g Khoản 3 Bộ quản lý ngành lĩnh vực thực hiện việc quản lý nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn trong lĩnh vực được phân công, trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa thành “<i>Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch: Trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các môn thể thao thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định hiện hành</i>”.</p> <p>Lý do: Theo quy định tại mục 14 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Chính phủ giao trách nhiệm cho Bộ Xây dựng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực công trình xây dựng dân dụng theo Phụ lục 1 Phân công phân loại công trình xây dựng (ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng), tại điểm c. Công trình thể thao: Công trình thể thao ngoài trời, công trình thể thao trong nhà và công trình thể thao khác nằm trong mục 1. Công trình dân dụng, khoản 2. Công trình công cộng.</p> <p>- Theo Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch, về đối tượng quảng cáo ngoài</p>	
--	--	--	--

		<p>trời, Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch có chức năng hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương và tổ chức thẩm định sản phẩm quảng cáo theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Việc xây dựng màn hình truyền quảng cáo ngoài trời, biểu hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có sẵn <i>phải xin giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương</i> trong những trường hợp sau đây: a) Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 mét vuông trở lên, b) Xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 mét vuông kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng trong tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; c) Bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 mét vuông trở lên (Điều 31 Luật quảng cáo năm 2012 khoản 2)</p> <p>Chủ sở hữu phương tiện quảng cáo ngoài trời có trách nhiệm: <i>khảo sát kỹ thuật, báo cáo về hiện trạng tuân theo các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng theo giấy phép của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng tại địa phương</i>; thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ theo quy định và đảm bảo các điều kiện an toàn cho phương tiện quảng cáo ngoài trời trong suốt thời gian thi công, xây dựng, lắp đặt cũng như thời gian tồn tại của phương tiện quảng cáo ngoài trời (QCVN 17:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Điều 3. Quy định về quản lý, khoản 1.3).</p>	
--	--	---	--

87.	Số KHCN TP. Đà Nẵng	Nội dung khác	Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng, lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, cập nhật những nội dung của dự thảo có liên quan hoặc viện dẫn đến các quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và điều chỉnh cho phù hợp (Ví dụ quy định tại tiết 2 Điểm c2 Khoản 5 Điều 2 dự thảo).	Nghiên cứu tiếp thu theo ý kiến góp ý của Bộ Tài chính
88.	Số KHCN Tp. Hà Nội	Nội dung khác	<p>- Tại điểm a khoản 2a, Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP đã được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định 74/2018/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 154/2018/NĐ-CP quy định về các tài liệu người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra có một số bất cập như sau:</p> <p>+ Quy định người nhập khẩu phải nộp ngay “Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định)” khi thực hiện đăng ký kiểm tra là chưa hợp lý, trên thực tế do hàng hóa chưa được thông quan nên người nhập khẩu không thể có tài liệu này mà phải khi hàng hóa được thông quan (sau khi đăng ký kiểm tra xong) thì mới có thể cung cấp được ảnh mô tả và nhãn phụ của hàng hóa. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào dự thảo Nghị định quy định đối với tài liệu này là tài liệu có thể được doanh</p>	<p>- Khi nhập khẩu thì người nhập khẩu phải biết là mình nhập khẩu hàng hóa nào. Do đó, việc có bản mô tả hàng hóa là phù hợp</p>

			<p>ngiệp nhập khẩu bổ sung sau trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa.</p> <p>+ Chưa thống nhất giữa quy định về các tài liệu kèm theo cần nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu với biểu mẫu Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Cụ thể là “Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng thư giám định chất lượng lô hàng nhập khẩu” và “Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý” có trong biểu mẫu Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (Mẫu số 1 phụ lục III kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) nhưng chưa được quy định là tài liệu phải nộp khi đăng ký kiểm tra. Ngược lại “chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm)” được quy định là tài liệu phải nộp khi đăng ký kiểm tra nhưng không có trong biểu mẫu Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung vào dự thảo Nghị định quy định đối với tài liệu kèm theo và biểu mẫu Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho đầy đủ, thống nhất.</p>	<p>- Vì biểu mẫu này áp dụng cho cả 03 trường hợp, trong đó bao gồm cả trường hợp nhập khẩu theo quy định tại khoản 2a, 2b Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. Hai trường hợp này thì sau 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp kết quả tự đánh giá hoặc Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn. Do đó, nếu quy định là phải nộp các chứng chỉ này khi nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra là không phù hợp. Đồng thời, khoản 1 Điều 4 Nghị định 154/2018/NĐ-CP đã quy định nộp “chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm)” trong trường hợp (nếu có).</p>
89.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Nội dung khác	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông đã có công văn số 3729/BTTTT-PC ngày 29/9/2020 về việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP trong đó đề cập một số vướng mắc trong quá trình triển khai 02 Nghị định. Các đề nghị tại công văn của Bộ chưa được thể</p>	<p>Các nội dung đánh giá của Bộ TTTT công văn số 3729/BTTTT-PC ngày 29/9/2020 đã được Bộ KH&CN tổng hợp trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và làm căn cứ để xây dựng dự thảo Nghị định</p>

			hiện trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, do vậy đề nghị Ban soạn thảo Nghị định xem xét thêm các ý kiến đã nêu.	
90.	Sở KH&CN Long An	Nội dung khác	Đã có các ý kiến góp ý tại Báo cáo đánh giá thực hiện Nghị định 86/2012/NĐ-CP và Nghị định 74/2018/NĐ-CP	Các nội dung đánh giá của Sở KH&CN Long An đã được Bộ KH&CN tổng hợp trong dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và làm căn cứ để xây dựng dự thảo Nghị định
91.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nội dung khác	Ngày 05/10/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi Bộ Khoa học và Công nghệ văn bản số 6928/BNN-PC về việc đánh giá thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP. Tuy nhiên, qua rà soát các nội dung tại điểm 4, mục I của công văn nêu trên chưa được tiếp thu tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu tiếp thu có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Nghiên cứu tiếp thu
92.	Bộ Công Thương	Nội dung khác	Ngày 26/9/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1254/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa Quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018 - 2020. Theo " <i>Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kiểm tra chuyên ngành phải sửa đổi, bổ sung</i> " kèm theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung 03 nội dung sau: (1) Sửa đổi quy định miễn giảm công bố	- Bộ KH&CN đã kiến nghị không sửa nội dung này trong Báo cáo đánh giá tác động và Báo cáo thực thi văn bản. Bộ KH&CN sẽ bổ sung nội dung này trong Tờ trình Chính phủ xem xét, quyết định

			<p>hợp quy và kiểm tra chất lượng tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP theo đó bổ sung quy định miễn kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, (2) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, đôn đốc các bộ ngành ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 kèm phương thức kiểm tra phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP. (3) Đề nghị nghiên cứu cơ chế quản lý phù hợp, không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản đăng ký kiểm tra có xác nhận của cơ quan kiểm tra để thông quan hàng hóa.</p> <p>Tuy nhiên, dự thảo chưa có nội dung số 3 đề nghị ban soạn thảo rà soát bổ sung thêm nội dung này.</p>	
93.	Bộ Công Thương	Nội dung khác	<p>Ngày 20/10/2020, Bộ Công Thương đã có công văn 7912/BCT-KHCN gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP. Trong đó, Bộ Công Thương đã đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ đưa một số nội dung vào trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên trong dự thảo Nghị định chưa cập nhật bổ sung các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu nêu tại khoản 2a Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. - Thời gian thực hiện chưa phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2b Điều 7 Nghị định số 132 - Quy định về kinh phí phục vụ hoạt động đánh giá 	Nghiên cứu tiếp thu

			<p>của chuyên gia đánh giá hoặc đoàn đánh giá tại điểm c khoản 1 Điều 18d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP cần phải xem xét, sửa đổi.</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định cho phép cơ quan quản lý nhà nước xác nhận việc đăng ký công bố hợp quy của doanh nghiệp trên trang tin điện tử chính thức của cơ quan quản lý nhà nước.</p>	
94.	UBND Lạng Sơn	Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành văn bản	Tại trang 5, đề nghị bỏ phần “Đồng thời tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; việc miễn giảm kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.” vì nội dung này đã được diễn giải ở phần sau	Tiếp thu

2.3. Góp ý cụ thể đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2012/NĐ-CP

TT	Đơn vị góp ý	Các phần góp ý	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung tiếp thu
1.	Bộ Nội Vụ	Khoản 1 Điều 1 Dự thảo	Đề nghị sửa lại để thống nhất với Khoản 3 Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.	<p>Đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản, Điều 1 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 13 Nghị định 86/2012/NĐ-CP quy định về trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường. - Khoản 3 Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương;

				Như vậy không có sự chồng chéo, mâu thuẫn.
2.	UBND tỉnh Lào Cai		Đề nghị bổ sung: Chi cục TCĐLCL là cơ quan quản lý chuyên ngành về lĩnh vực TCĐLCL.	Khoản 3 Điều 13 đã quy định đối với Chi cục TCĐLCL
3.	Bộ Tài Chính		Tùy theo trường hợp cụ thể, cơ quan kiểm tra có thể xem xét phối hợp với cơ quan Quản lý thị trường hoặc cơ quan Công an thay vì mở rộng quá nhiều cơ quan, tổ chức phải phối hợp kiểm tra như trong dự thảo.	Tiếp thu
4.	UBND tỉnh Lào Cai	Khoản 2 Điều 1 Dự thảo	Đề nghị không bãi bỏ Khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, nên bổ sung thay thế như sau: Thành lập ban công tác liên ngành gồm Chi cục TCĐLCL, Cục Quản lý thị trường, Công an phối hợp kiểm soát về phương tiện đo nhóm 2, dấu định lượng đối với hàng đóng gói sẵn nhập khẩu tại cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Sau khi ban công tác liên ngành kiểm soát về phương tiện đo nhóm 2, dấu định lượng đối với hàng đóng gói sẵn nhập khẩu. Khi đủ điều kiện thì Cơ quan hải quan cho phép thông quan phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn nhập khẩu.	Đề nghị giữ như Dự thảo. <u>Lý do:</u> - Vướng mắc cơ bản trong kiểm tra phương tiện đo (PTĐ) nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu hiện nay là nhiều trường hợp thời gian thử nghiệm mẫu PTĐ để ban hành quyết định phê duyệt mẫu kéo dài hơn 30 ngày, vượt quá quy định của pháp luật về hải quan. - Việc thành lập Ban công tác liên ngành không giải quyết được vướng mắc nêu trên.
5.	Sở KH&CN Khánh Hòa		Đề nghị giữ nguyên quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP quy định về việc phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu.	Đề nghị giữ như Dự thảo. <u>Lý do:</u> Nội dung sửa đổi, bổ sung như dự thảo Nghị định nhằm giải quyết vướng mắc cơ bản trong kiểm tra PTĐ nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 nhập khẩu hiện nay là nhiều trường hợp thời gian thử nghiệm

			mẫu PTĐ để có quyết định phê duyệt mẫu kéo dài hơn 30 ngày, vượt quá quy định của pháp luật về hải quan.	
6.	Sở KH&CN Thanh Hóa		Nên bãi bỏ điều khoản này , đề nghị Ban soạn thảo Bộ KHCN nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 sau khi cho thông quan (quy định nên tương thích việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu theo như dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 74/2018/NĐ-CP)	Tiếp thu
7.	Bộ Quốc Phòng	Khoản 3 Điều 1 Dự thảo	Đề nghị chỉnh lý: “3. Sửa đổi điểm d Khoản 4 Điều 17 như sau: d) Trường hợp phát hiện các phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu không phù hợp với các quy định của pháp luật về đo lường, cơ quan thực hiện kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm ngừng việc nhập khẩu loại phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó”.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, bỏ đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung này tại Dự thảo
8.	Bộ Tư Pháp		Bộ Tư pháp cho rằng, các nội dung nêu trên thuộc lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính . Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung tại các văn bản quy định về xử lý vi phạm hành chính mà không đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.	Tiếp thu.
9.	Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh		- Đề nghị sửa đổi, bổ sung “d) Trường hợp phát hiện phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu không phù hợp quy định của pháp luật về đo lường, cơ quan thực hiện kiểm tra xử lý theo thẩm	Tiếp thu

			quyền và thông báo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền tại địa phương nơi nhập khẩu để xem xét, kiểm tra hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm ngừng việc nhập khẩu loại phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó". - Cần quy định cụ thể cơ quan nào có thẩm quyền ra quyết định tạm ngừng việc nhập khẩu; trình tự, thủ tục ra quyết định tạm ngừng việc nhập khẩu.	
10.	Bộ Tài chính		- Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung lý do giải thích việc chỉ quy định "tạm ngừng" tại dự thảo thay cho "tạm dừng hoặc dừng" như hiện hành. - Đề nghị không quy định về xử lý vi phạm đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu vì đã được quy định chi tiết tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP.	Tiếp thu.
11.	Bộ Thông tin và Truyền Thông	Khoản 2 Điều 13 Nghị định 86/2012/NĐ-CP	"Tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 86/2012/NĐ-CP chỉ quy định về trách nhiệm phối hợp của các bộ trong kiểm tra nhà nước về đo lường trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công, mà chưa quy định rõ các hoạt động phối hợp cần thiết, do vậy các bộ quản lý chuyên ngành chưa thấy rõ vai trò phối hợp. Thời gian qua Bộ TT&TT cũng chưa nhận được yêu cầu phối hợp kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu".	Tiếp thu
12.	UBND tỉnh Cao Bằng	Khoản 3 Điều 13	Đề nghị bổ sung Chi cục TCĐLCL hoặc phòng Quản lý Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở KH&CN. Vì hiện nay tại tỉnh Cao Bằng, Chi cục TCĐLCL đã chuyển đổi thành Phòng Quản lý Đo	Tiếp thu

		lường Chất lượng trực thuộc Sở KH&CN.	
13.	Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh	<p>đề nghị bổ sung</p> <p>“b) Kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát hiện có hành vi vi phạm”.</p> <p>Lý do: Hiện nay, phương tiện đo nhóm 2 được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường phổ biến rộng rãi. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đều hướng đến việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 do tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định thực hiện. Tuy nhiên, tại điểm b Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Chi cục TCDLCL không được thực hiện kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, vì vậy chưa thường xuyên rà soát nhóm đối tượng trên, chưa nâng cao được hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tại TP. Hồ Chí Minh.</p>	Tiếp thu

14.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Khoản 4 Điều 13	Đề nghị sửa đổi như sau: “UBND cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc, phối hợp với Chi cục TCĐLCL và cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện kiểm tra tại các chợ, trung tâm thương mại, điểm bán buôn, bán lẻ khác trên địa bàn đối với phép đo, phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn.	Tiếp thu
15.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Khoản 5 Điều 13	Đề nghị sửa đổi như sau: UBND cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan thực hiện kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này thực hiện kiểm tra trên địa bàn đối với phương tiện đo là cân thông dụng (cân đồng hồ lò xo) tại các chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn.	Tiếp thu
16.	UBND tỉnh Cao Bằng	Khoản 6 Điều 14	Đề nghị bỏ Khoản 6 Điều 14 của Nghị định 86/2012/NĐ-CP quy định về hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường do Tổng cục TCĐLCL tổ chức. Lý do: nội dung đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường chi phù hợp với Sở KH&CN các tỉnh thành phố, nhưng sẽ tạo nên nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện đối với mạng lưới quản lý nhà nước về đo lường ở cấp huyện, phường, xã, thị trấn. Các công chức quản lý nhà nước về đo lường ở các cấp huyện, xã cần được Sở KH&CN trực tiếp hướng dẫn, tập huấn hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Tổng cục TCĐLCL thực hiện hướng dẫn, tập huấn là đảm bảo về mặt chuyên môn.	Tiếp thu
17.	Sở KH&CN Hà Tĩnh	Điểm c Khoản 1	Đề nghị sửa đổi như sau: “c) Lập biên bản kiểm tra. Trường hợp phát hiện	Tiếp thu

		Điều 16	hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính về đo lường. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ là thành viên đoàn kiểm tra hoặc Trưởng đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý hoặc chuyên cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Mẫu biên bản vi phạm hành chính về đo lường do Bộ trưởng Bộ KHCN quy định.”	
18.		Chương III Nghị định số 86/2012/NĐ- CP	Tại Chương III Nghị định số 86/2012/NĐ-CP hướng dẫn cách xác định thu lợi bất chính do vi phạm pháp luật về đo lường. Tuy nhiên, hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm là “Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp” theo quy định tại Nghị định 86/2012/NĐ-CP và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP.	Tiếp thu
19.	Sở KH&CN Long An		Đề nghị Tổng cục TCĐLCL ban hành văn bản hướng dẫn cho các Chi cục TCĐLCL và Cục Hải quan địa phương hàng đóng gói sẵn nhập khẩu theo hình thức, chủng loại nào thì bắt buộc phải đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn nhập khẩu. Đề nghị Bộ KHCN ra văn bản hướng dẫn về cơ chế phối hợp giữa Cục Hải quan và Chi cục TCĐLCL địa phương trong công tác kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	Tiếp thu

20.	Sở KH&CN Hà Tĩnh	<p>- Việc kiểm soát phê duyệt mẫu phương tiện đo trong nhập khẩu bãi bỏ do đó cần tăng cường biện pháp xử lý vi phạm trong buôn bán, kiểm định, sử dụng. Cụ thể Nghị định 119/2017/NĐ-CP cần bổ sung, sửa đổi đối với hành vi không thực hiện phê duyệt mẫu phương tiện đo theo hướng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tăng mức xử phạt trong buôn bán; + Quy định chế tài tịch thu Giấy chứng nhận kiểm định trong sử dụng; + Tăng mức xử phạt và chế tài xử phạt bổ sung trong kiểm định 	Tiếp thu
-----	------------------	--	----------